

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2017/DS-PT
Ngày: 21 – 9 – 2010
V/v Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be

Ông Nguyễn Văn Tông

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà
Đặng Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm
công khai vụ án thụ lý số 123/2017/TLPT –DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 về việc
“*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 72/2017/DS-ST ngày 28/6/2017 của Tòa án
nhân dân thành phố TN bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
148/2017/QĐPT-DS ngày 23/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Công T, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số 300 đường 786 ấp Th, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1956.

Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Số 139 đường NT khu phố X, phường Y, thành phố TN, tỉnh Tây
Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ph: Ông Lê Văn L, sinh năm 1956;
Địa chỉ: Số 139 đường NT khu phố X, phường Y, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh là người
đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/3/2017); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Lương Công Đ, sinh năm 1960.

3.2 Bà Huỳnh Quế Á, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Số D16/3 ấp H, xã HT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của ông Lương Công Đ, bà Huỳnh Quế Á: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 6 ấp PHI, xã SĐ, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2016). Có mặt.

4. Người kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L, bà Huỳnh Quế Á.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2012 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trương Công T trình bày:

Ngày 20/4/2009, anh T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph phần đất có kích thước chiều ngang 9m, chiều dài 28,76m thuộc thửa đất số 25 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khu phố 5, phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 750.000.000 đồng, anh T giao trước 400.000.000 đồng, còn 350.000.000 đồng đến ngày 20/4/2012 giao đủ tiền và hai bên làm thủ tục sang nhượng, việc sang nhượng chỉ viết giấy tay và có chữ ký của hai bên. Trước ngày 20/4/2012, gia đình anh T có đến báo cho ông L biết sắp đến ngày giao tiền để làm thủ tục sang nhượng thì ông L nói phần đất bán cho anh T không có mặt tiền nên nếu anh T mua thì mua luôn phần đất phía trước (thửa 46) giá 750.000.000 đồng.

Anh T không đồng ý vì khi chuyển nhượng ông L viết giấy tay với diện tích chuyển nhượng bằng diện tích anh T đang sử dụng xây gara và không có mặt tiền thì làm sao làm gara sửa xe ô tô, khi sang nhượng đất cho anh T thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L đã thế chấp vay ngân hàng nên không biết phần đất có hai thửa, anh T chỉ biết đủ diện tích mua bán theo giấy tay. Trước khi sang nhượng đất thì năm 2007 ông T có thuê đất của ông L, bà Ph để làm cơ sở sửa chữa xe ô tô, anh T có đổ đất nâng nền và xây dựng nhà ở giữa đất để sửa ô tô, đến năm 2009 nhận chuyển nhượng đất từ ông L, bà Ph xong thì anh T làm thêm kiên cố hơn như nâng nền bê tông, xây tường xung quanh và làm dài thêm phía trước đổ nền xi măng, khoan giếng, vào chân điện và góp 1/2 số tiền xây nhà vệ sinh cùng với ông L trên phần đất của anh T sang nhượng để sử dụng chung. Anh T khởi kiện yêu cầu ông L, bà Ph phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần anh đã xây dựng nhà kiên cố, phần còn lại thì giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 30-11-2016 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Ông L, bà Ph xác nhận ngày 20/4/2009 có sang nhượng cho anh Trương Công T một phần đất như anh T trình bày, hai bên chỉ làm giấy tay, anh T đã giao cho ông L số tiền 400.000.000 đồng, còn 350.000.000 đồng hẹn 03 năm sau sẽ giao đủ. Phần đất ông L, bà Ph sang nhượng cho anh T có hai thửa là thửa 46 và

thửa 25, tờ bản đồ số 7 do ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph đứng tên chủ sử dụng đất. Sau khi chuyển nhượng đất cho anh T một thời gian thì ông L, bà Ph định chuyển nhượng luôn phần đất giáp ranh đất trước đã sang nhượng cho anh T với giá 750.000.000 đồng nhưng anh T yêu cầu được giảm với giá là 350.000.000 đồng nên ông L, bà Ph không đồng ý. Trước ngày đến hạn giao số tiền 350.000.000 đồng thì gia đình anh T có qua nhà thương lượng giá cả chứ không đề cập đến không giao tiền như đã hẹn mà anh T làm đơn khiếu nại tại Ủy ban nhân dân phường IV, thành phố TN yêu cầu ông L, bà Ph bồi thường hợp đồng. Ông L, bà Ph xác định khi sang nhượng không đo đạc chính xác, lúc sang nhượng thì anh T đã xây cất gara sửa chữa ô tô như hiện trạng hiện nay. Do việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L, bà Ph và anh T không có hợp đồng hợp pháp và anh T không giao đủ tiền nên ông L, bà Ph không đồng ý chuyển nhượng phần đất trên cho anh T nữa. Ông L, bà Ph đồng ý trả cho anh T tiền đã nhận 400.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định từ ngày đưa tiền đến nay.

Sau khi Bản án số: 101/2013/DS - PT ngày 04/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh có hiệu lực, ông cần tiền trả anh T theo bản án trên nên đã bán bằng giấy tay cho bà Huỳnh Quế Á, ông Lương Công Đ số tiền 1.650.000.000 đồng, đã nhận số tiền 1.265.000.000 đồng của bà Á, ông Đ nên đồng ý sang nhượng phần đất trên cho bà Á, ông Đ. Trường hợp hợp đồng giữa ông L, bà Ph với ông Đ, bà Á vô hiệu thì vợ chồng ông L không yêu cầu tòa xem xét về hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Công Đ, bà Huỳnh Quế Á cùng người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Hoàng L trình bày:

Theo Bản án số: 101/2013/DS-PT ngày 04/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thì Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Trương Công T và bà Nguyễn Thị Ph, ông Lê Văn L là vô hiệu. Do đó, ông L cần tiền để thi hành bản án cho anh T, nên ông L, bà Ph có thỏa thuận và thống nhất bán lại cho vợ chồng bà Á, ông Đ phần đất và tài sản trên đất với giá là 1.650.000.000.000 đồng và hai bên đã ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất diện tích 245,5 m² thuộc thửa 25;46 tờ bản đồ 07 tọa lạc tại khu phố 5, phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh vào ngày 01/7/2013 sau ngày Bản án số: 101/2013/DS-PT ngày 04/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh có hiệu lực, nhưng do sơ suất trong khi đánh máy để ngày 01/01/2013. Ông Đ, bà Á đã giao trước số tiền 1.265.000.000 đồng, số còn lại 385.000.000 đồng sẽ thanh toán hết sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng sang tên cho ông Đ, bà Á. Tháng 9/2013 chuẩn bị hoàn tất thủ tục sang tên thì không được chấp nhận vì anh T khiếu nại đến Tòa án nhân dân tối cao theo thủ tục Giám đốc thẩm Bản án số: 101/2013/DS-PT ngày 04/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Nay bản án bị hủy theo thủ tục Giám đốc thẩm, nhưng vợ chồng ông Đ, bà Á đã đặt cọc chuyển nhượng phần đất trên, nên yêu cầu ông L, bà Ph phải tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất như hai bên đã thỏa thuận. Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đ, bà Á với ông L, bà Ph bị vô hiệu thì vợ chồng ông Đ không yêu cầu tòa án xem xét, giải

quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 72/2017/DS-ST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố TN đã xử:

Căn cứ Điểm b.3 tiểu mục 2.3 mục 2 của Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” của anh Trương Công T đối với ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Ph. Công nhận phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 169,2 m². Hủy phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 76,3 m²

Buộc ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph có nghĩa vụ thực hiện thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho anh Trương Công T diện tích 169,2 m² thuộc thửa số 46 và một phần thửa số 25, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại khu phố 5, phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 48 dài 18,8m;

Hướng Tây giáp thửa 25 dài 18,8m;

Hướng Nam giáp thửa 24 dài 9m;

Hướng Bắc giáp đường Nguyễn Trãi dài 9m.

Giao anh Trương Công T được tiếp tục sử dụng tài sản có trên phần đất nêu trên gồm: Nhà cấp 4C kết cấu móng gạch, cột gạch, cột sắt, cửa sắt, mái tôn, nền xi măng diện tích 9m x 18,80m = 169,2m² giá trị 165.900.000 đồng.

Buộc anh Trương Công T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph số tiền 701.322.500 đồng (Bảy trăm lẻ một triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Giao ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 76,3m² thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 7 (Liên kề phía sau đất giao anh T), tọa lạc tại khu phố 5, phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 48 dài 4,08m;

Hướng Tây giáp thửa 25 dài 4,95;

Hướng Nam giáp thửa 24 dài 9m;

Hướng Bắc giáp thửa 25 dài 9m.

Giao ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph được quyền sử dụng một nhà vệ sinh trị giá 6.081.000 đồng; Một hồ chứa nước trị giá 5.194.000 đồng; Một giếng khoan trị giá 3.072.000 đồng.

Buộc ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph có nghĩa vụ thanh toán cho anh Trương Công T số tiền 3.040.500 đồng (Ba triệu, không trăm, bốn mươi nghìn, năm trăm đồng).

2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph và ông Lương Công Đ, bà Huỳnh Quế Á lập ngày 01/01/2013 đối với diện tích 245,5 m² thuộc thửa số 46 và thửa số 25, tờ bản đồ số 7 đất tọa lạc tại khu phố 5, phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh là vô hiệu.

Ghi nhận ông Lương Công Đ, bà Huỳnh Quế Á và ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm ngày 13/7/2017 bị đơn ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph kháng cáo với nội dung: Giấy sang nhượng đất cho anh T là giấy tay, anh T chưa giao đủ tiền đất nên không có giá trị pháp lý. Trước khi sang nhượng năm 2009 thì năm 2007 anh T đã thuê đất làm gara thời hạn 5 năm nên anh T đổ đất nâng nền, làm mái che phục vụ cho việc sửa xe là trước khi làm giấy sang nhượng. Cấp sơ thẩm cho rằng anh T làm sau khi đã chuyển nhượng xử chấp nhận cho lưu thông hợp đồng chuyển nhượng là không đúng pháp luật. Hơn nữa phần diện tích 76,7m² phía sau Tòa sơ thẩm buộc anh T giao lại cho ông bà sử dụng nhưng không có lối đi. Do vậy đề nghị cấp phúc thẩm xử việc sang nhượng đất ngày 20/4/2009.

Ngày 13/7/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lương Công Đ, bà Huỳnh Quế Á có đơn kháng cáo với nội dung: Khi bản án phúc thẩm số 01/2013/DS - PT ngày 04/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh có hiệu lực thi hành, đất là của ông L, bà Ph nhưng không có tiền thi hành án cho anh T nên ông L, bà Ph đã sang nhượng đất lại cho ông bà với giá 1.650.000.000 đồng đã giao trước 1.265.000.000 đồng. Sau đó bản án giám đốc thẩm hủy án nên ông bà không nhận đất được. Bản án phúc thẩm xử ngày 04/6/2013 nhưng đất sang nhượng ngày 01/01/2013 nên yêu cầu được nhận đất của ông L, bà Ph.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng ý rút kháng cáo.

Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng thì Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2017/DS-ST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph thừa nhận diện tích 169,2m² cấp sơ thẩm xử giao cho anh T là đúng, nay ông L, bà Ph đồng ý chuyển nhượng cho anh

Trương Công T phần đất còn lại có diện tích 76,3m² với giá 300.000.000 đồng, đất thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 7 (Liên kê phía sau đất giao anh T), tọa lạc tại khu phố 5, phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa 48 dài 4,08m;

Hướng Tây giáp thửa 25 dài 4,95;

Hướng Nam giáp thửa 24 dài 9m;

Hướng Bắc giáp thửa 25 dài 9m.

Anh Trương Công T đồng ý thanh toán cho ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph số tiền 1.001.332.500 đồng, trong đó 701.322.500 đồng giá trị 38,263m² phần đất chênh lệch, 300.000.000 đồng giá trị 76,3m² đất còn lại phía sau và các công trình phụ trên đất gồm nhà vệ sinh, hồ chứa nước, giếng khoan ông L, bà Ph đã đồng ý chuyển nhượng cho anh T.

Ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph đồng ý nhận của anh Trương Công T số tiền 1.001.332.500 đồng.

Ông L, bà Ph và anh T còn thỏa thuận anh Trương Công T được tiếp tục sử dụng tài sản có trên phần đất nêu trên gồm: Nhà cấp 4C kết cấu móng gạch, cột gạch, cột sắt, cửa sắt, mái tôn, nền xi măng diện tích 9m x 18,80m = 169,2m² giá trị 165.900.000 đồng.

Ông L, bà Ph đồng ý lấy tiền anh T thi hành án và trả để trả lại tiền mua đất cho ông Đ, bà Á nên người đại diện hợp pháp cho ông Lương Công Đ, bà Huỳnh Quế Á là anh Lê Văn L đồng ý rút kháng cáo. Việc rút kháng cáo của anh Lê Văn L được anh T, ông L đồng ý.

Xét thấy, sự thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph, ông Lương Công Đ, bà Huỳnh Quế Á phải chịu.

Chi phí đo đạc, định giá tài sản: Ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5, Điều 30 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2017/DS-ST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

2. Các đương sự thỏa thuận với nhau cụ thể như sau:

Anh Trương Công T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph số tiền 1.001.332.500 đồng, trong đó 701.322.500 đồng giá trị 38,263m² phần đất chênh lệch, 300.000.000 đồng giá trị 76,3m² đất còn lại phía sau và các công trình phụ trên đất gồm nhà vệ sinh, hồ chứa nước, giếng khoan ông L, bà Ph đã đồng ý chuyển nhượng cho anh T.

Ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph có nghĩa vụ chuyển nhượng cho anh Trương Công T diện tích đất 169,2 m² thuộc thửa số 46 và một phần thửa số 25, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại khu phố 5, phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 48 dài 18,8m;

Hướng Tây giáp thửa 25 dài 18,8m;

Hướng Nam giáp thửa 24 dài 9m;

Hướng Bắc giáp đường Nguyễn Trãi dài 9m.

Ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph có nghĩa vụ chuyển nhượng cho anh Trương Công T phần đất diện tích 76,3m² với giá 300.000.000 đồng thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 7 (Liên kề phía sau đất giao anh T), tọa lạc tại khu phố 5, phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 48 dài 4,08m;

Hướng Tây giáp thửa 25 dài 4,95;

Hướng Nam giáp thửa 24 dài 9m;

Hướng Bắc giáp thửa 25 dài 9m.

Anh Trương Công T được tiếp tục sử dụng tài sản có trên phần đất nêu trên gồm: Nhà cấp 4C kết cấu móng gạch, cột gạch, cột sắt, cửa sắt, mái tôn, nền xi măng diện tích 9m x 18,80m = 169,2m² giá trị 165.900.000 đồng, một nhà vệ sinh trị giá 6.081.000 đồng; Một hồ chứa nước trị giá 5.194.000 đồng; Một giếng khoan trị giá 3.072.000 đồng.

Người đại diện của ông Lương Công Đ, bà Huỳnh Quế Ân là anh Lê Văn L đồng ý rút kháng cáo. Việc rút kháng cáo của anh Lê Văn L được anh T, ông L đồng ý.

Chi phí đo đạc, định giá: Ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 1.200.000 đồng nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN trả cho anh Trương Công T.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền chưa thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trương Công T phải chịu 42.039.975 (bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi lăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003509 ngày 07/12/2016. Anh T còn phải nộp 25.040.000 (hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lương Công Đ, bà Huỳnh Quế Á không phải chịu án dân sự sơ thẩm Chi cục thi hành dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho ông Đ, bà Á 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003660 ngày 19/01/2017.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004345 ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Ông Lương Công Đ, bà Huỳnh Quế Á phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004344 ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND.TP.TN;
- VKSND.TTN;
- Chi cục THADS. P.TN;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Sơn

